TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2024/DS-ST
Ngày: 09-8-2024
V/v: "Tranh chấp hợp đồng góp hụi và mua bán tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH HẬU GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Ngô Huỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Trường

2. Ông Nguyễn Văn Bỉnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thanh Mộng– Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang. Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 93/2024/TLST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2024 về "Tranh chấp hợp đồng góp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2024/QĐST - DS ngày 17 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trương Thị M (có mặt)

Trú tại: ấp Đ, xã Đ, huyện C, tỉnh Hậu Giang

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn Đ (Nguyễn Văn Đ1) (vắng mặt)

Trú tại: ấp L, xã Đ, huyện C, tỉnh Hậu Giang

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Mai Thị T (vắng mặt)

Trú tại: ấp L, xã Đ, huyện C, tỉnh Hậu Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai của nguyên đơn trình bày: Vào năm 2020 vợ chồng ông Đ, bà T tham gia dây hụi 2.000.000 đồng của bà M, dây hụi mở ngày 15/6/2020 dương lịch, gồm 34 phần, khui hụi được 01 đến 02 lần thì vợ chồng ông Đ không đóng hụi nữa. Tiền hụi chết vợ chồng ông Đ còn thiếu là 52.500.000 đồng.

Và vợ chồng ông Đ bà T còn nợ tiền mua tạp hoá của bà M là 800.000 đồng. Năm 2021 bà T bỏ địa phương đi. Tháng 01 năm 2024 ông Đ có trả cho bà 10.000.000 đồng và hứa trả cho bà số tiền còn lại, nhưng không thực hiện. Nay bà M yêu cầu ông Đ trả cho bà 43.300.000 đồng.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Mai Thị T đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Toà án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Về phần thủ tục từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự tố tụng. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bị đơn ông Nguyễn Văn Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Mai Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Đ, bà T.

[2] Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền hụi còn thiếu và tiền mua bán tạp hoá, nên xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng góp hụi và mua bán tài sản" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Nguyên đơn yêu cầu ông Đ trả 43.300.000 đồng. Tại biên bản hoà giải ở xã Đ ngày 22/12/2023 ông Đ trình bày *"Tôi có biết vợ tôi là bà T có thiếu bà M 53.300.000 đ (năm mươi ba triệu ba trăm nghìn đồng). Lúc trước tôi có hứa trả cho bà M 25.000.000 (hai mươi lăm triệu đồng). Tôi hứa: ngày hôm nay 22/12/2023 tôi sẽ trả cho bà M 10.000.000 (mười triệu đồng). Còn 15 triệu: Mười ngày nữa (vào ngày 02/01/2024) kiếm vợ về trả 15.000.000 (mười lăm triệu đồng). Số tiền còn lại 28.300.000 đ (hai mươi tám triệu ba trăm nghìn đồng khi nào bà T về giải quyết tiếp).* Lời thừa nhận của ông Đ chứng tỏ vợ chồng ông có nợ bà M 53.300.000 đồng, và phù hợp với lời khai của bà M là ông Đ đã trả 10.000.000 đồng, còn nợ lại 43.300.000 đồng. Số tiền này theo lời khai ông Đ không phải là nghĩa vụ của ông, mà còn là nghĩa vụ của vợ ông bà T. Do đó, việc bà M yêu cầu một mình ông Đ trả toàn bộ số tiền 43.300.000 đồng là chưa phù hợp. Mặt khác thì bà M cũng cho rằng bà giao dịch hụi và mua bán tạp hoá là với ông Đ và bà T. Theo quy định tại Điều 27 của Luật hôn nhân gia đình thì vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Vì vậy phải buộc bà T cùng với ông Đ trả nợ cho bà M mới là phù hợp.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu phần án phí có giá ngạch là 43.300.000 đồng x 5% = 2.165.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 440, Điều 471 của Bộ luật dân sự; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị M.

Buộc bà Mai Thị T và ông Nguyễn Văn Đ phải trả cho bà Trương Thị M 43.300.000 đồng *(bốn mươi ba triệu ba trăm ngàn đồng).*

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn Đ và bị Mai Thị T phải chịu 2.165.000 đồng *(hai triệu một trăm sáu mươi lăm ngàn đồng).*

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng, thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Phan Ngô Huỳnh